BẢNG SO SÁNH THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2027

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
Căn cứ pháp lý	Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;	Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2027; Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;	Cập nhập theo quy định của trung ương
Chương I - Quy định chung			
Điều 1	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**		
	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2026 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025. 2. Đối tượng áp dụng a) Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã), đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.	1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho năm ngân sách 2027 và các năm tiếp theo theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. 2. Đối tượng áp dụng a) Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã), đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.	Cập nhật phạm vi điều chỉnh áp dung cho năm ngân sách 2027. Đối với các năm sau cập nhật theo quy định của Luật NSNN nătn 2025 (không còn quy định về thời kỳ ổn định ngàn sách)
Điều 2	**Điều 2. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước**		
	1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn	1. Góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn.	Biên tập lại cho phù hợp
	2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính 05 năm 2026 - 2030. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế.	2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2027, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam; hội nhập quốc tế trong tình hình mới; tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và địa phương.	Cập nhật theo giai đoạn 2027-2030; phù hợp với chủ trương chung của Đảng đối với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục và đào tạo, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, y tế, văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước. Định mức phân bổ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập phải phù hợp với Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định số 60/2021/NĐ-CP), Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định số 111/2025/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá.	3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.	Biên tập lại cho phù hợp
	4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.	4. Tiêu chí phân bổ ngân sách rõ ràng, đơn giản, thuận lợi trong thực hiện và kiểm tra, giám sát; báo đám công bằng, công khai, minh bạch, tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chính sách, chế độ chi ngân sách nhà nước, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.	Biên tập lại cho phù hợp
	5. Tiêu chí của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.		
	6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành và địa phương ban hành (đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026); đồng thời, đảm bảo tính đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng. Riêng chi hoạt động thường xuyên sự nghiệp giáo dục được xác định trên mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng.	5. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm kinh phí chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành và địa phương ban hành (đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027).	Cập nhật theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng.
	7. Trong quá trình phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính và thực hiện công khai minh bạch theo chế độ quy định. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính với yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo.	6. Trong quá trình phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính và thực hiện công khai minh bạch theo chế độ quy định. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính với yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo.	Kế thừa các quy định trước đây
	8. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã quy định tại Nghị quyết này để làm cơ sở Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dự phòng ngân sách. Ngoài định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ các địa phương thêm một phần kinh phí để tăng chi hoạt động thường xuyên. Căn cứ vào dự toán chi thường xuyên được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.	7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã quy định tại Nghị quyết này để làm cơ sở Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dự phòng ngân sách. Ngoài định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ các địa phương thêm một phần kinh phí để tăng chi hoạt động thường xuyên. Căn cứ vào dự toán chi thường xuyên được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.	Kế thừa các quy định trước đây
Chương II - Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027			
Điều 3	**Điều 3. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính**		

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương: Theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế có mặt.	a) Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương: Theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế có mặt.	Kế thừa các quy định trước đây
	b) Chi hoạt động thường xuyên	b) Chi hoạt động thường xuyên	
	Các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh - Dưới 40 biên chế: 43 triệu đồng/biên chế/năm - Từ 40 đến dưới 80: 42 triệu đồng/biên chế/năm - Từ 80 đến dưới 120: 41 triệu đồng/biên chế/năm - Từ 120 trở lên: 40 triệu đồng/biên chế/năm	Các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh: - Dưới 40 biên chế: 47 triệu đồng/biên chế/năm - Từ 40 đến dưới 80: 46 triệu đồng/biên chế/năm - Từ 80 đến dưới 120: 45 triệu đồng/biên chế/năm - Từ 120 trở lên: 44 triệu đồng/biên chế/năm	Tăng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND
	c) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đã bao gồm:	c) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đã bao gồm:	Kế thừa các quy định trước đây
	c1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tập huấn, tổng kết; văn phòng phẩm; điện nước; xăng dầu; một cửa, tiếp công dân (không bao gồm Ban Tiếp công dân trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) và các khoản chi khác theo quy định;	c1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tập huấn, tổng kết; văn phòng phẩm; điện nước; xăng dầu; một cửa, tiếp công dân (không bao gồm Ban Tiếp công dân trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác đảng, đoàn thể, hoạt động của lực lượng tự vệ trong cơ quan; kinh phí bảo trì, duy trì vận hành trang thông tin điện tử của đơn vị và các khoản chi khác theo quy định;	Kế thừa các quy định trước đây và bổ sung theo các VB pháp luật hiện hành
	c2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi hoạt động chuyên môn của ngành, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kinh phí hoạt động của Đảng, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác và các khoản chi khác theo quy định;	c2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát, chi nhiệm vụ lưu trữ hàng năm; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác và các khoản chi khác theo quy định;	Kế thừa các quy định trước đây và bổ sung theo các VB pháp luật hiện hành
	c3) Các khoản kinh phí bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị; sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định. Kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trụ sở;	c3) Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trụ sở phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tài sản, máy móc, trang thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; kinh phí thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thường xuyên của cán bộ công chức theo quy định.	Kế thừa các quy định trước đây và bổ sung theo các VB pháp luật hiện hành
	c4) Nâng lương thường xuyên.	c4) Nâng lương thường xuyên.	Kế thừa các quy định trước đây
	d) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không bao gồm:	d) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không bao gồm:	Kế thừa các quy định trước đây
	d1) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương;	d1) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương;	
	d2) Tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức (viết tắt là Nghị định số 173/2025/NĐ-CP);	d2) Tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức (viết tắt là Nghị định số 173/2025/NĐ-CP);	Kế thừa các quy định trước đây
	d3) Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.	d3) Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.	Kế thừa các quy định trước đây
	đ) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các cơ quan bao gồm: Chi tổ chức đại hội cấp tỉnh; chi hoạt động các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, tổ công tác liên ngành; sửa chữa lớn trụ sở; chi mua sắm máy móc, thiết bị dùng chung theo quy định; chi nghiệp vụ đặc thù của ngành; trang phục ngành, chi giám sát phản biện xã hội; ISO; kinh phí duy trì vận hành trang thông tin điện tử; hỗ trợ hoạt động của lực lượng tự vệ; chi thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ hằng năm.	đ) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các cơ quan bao gồm: Chi tổ chức đại hội cấp tỉnh; chi hoạt động các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, tổ công tác liên ngành; sửa chữa lớn trụ sở; chi mua sắm máy móc, thiết bị dùng chung theo quy định; chi nghiệp vụ đặc thù của ngành; trang phục ngành, chi giám sát phản biện xã hội; ISO; chi thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ hằng năm.	Kế thừa các quy định trước đây

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	e) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 10 triệu đồng/hợp đồng/năm.	e) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 11 triệu đồng/hợp đồng/năm.	Cập nhật mức tăng 10% so với Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	g) Đối với Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài định mức trên có tính toán, bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù của từng cơ quan, đơn vị trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định hiện hành.	g) Đối với Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài định mức trên có tính toán, bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù của từng cơ quan, đơn vị trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định hiện hành.	Kế thừa các quy định trước đây
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	a) Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương. Đối với số biên chế chưa tuyển dụng, tính bằng 50% mức lương chuyên viên bậc 1, hệ số 2,34.	a) Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương. Đối với số biên chế chưa tuyển dụng, tính lương chuyên viên bậc 1, hệ số 2,34.	
	b) Định mức chi hoạt động thường xuyên: 40 triệu đồng/biên chế/năm.	b) Định mức chi hoạt động thường xuyên: 44 triệu đồng/biên chế/năm.	Tăng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	c) Định mức chi hoạt động thường xuyên tại điểm b khoản 2 Điều này, bao gồm:	c) Định mức chi hoạt động thường xuyên tại điểm b khoản 2 Điều này, bao gồm:	
	c1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí; hội nghị, tập huấn, sơ kết, tổng kết; văn phòng phẩm; điện nước, xăng dầu; tiếp công dân và các khoản chi khác theo quy định;	c1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tập huấn, tổng kết; văn phòng phẩm; điện nước; xăng dầu; một cửa, tiếp công dân, vận hành trụ sở cơ quan, chi hỗ trợ hoạt động cho công tác đảng, đoàn thể, hoạt động của lực lượng tự vệ trong cơ quan và các khoản chi khác theo quy định;	
	c2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ chi hoạt động của Đảng và các khoản chi khác theo quy định;	c2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát, chi nhiệm vụ lưu trữ hàng năm; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác và các khoản chi khác theo quy định;	
	c3) Các khoản kinh phí bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị; sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định. Kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trụ sở;	c3) Kinh phí bão dưỡng, bảo trì, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trụ sở phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm , thay thế tài sản, máy móc, trang thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; kinh phí thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thường xuyên của cán bộ công chức theo quy định.	
	c4) Nâng lương thường xuyên.	c4) Nâng lương thường xuyên.	
	d) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Hỗ trợ 10 triệu đồng/hợp đồng/tháng (bao gồm: tiền lương, tiền công, quỹ tiền thưởng, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công và chi hoạt động thường xuyên).	d) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: - Đối với các xã phường có 1 trụ sở: Hỗ trợ 400 triệu đồng/xã, phường - Đối với các xã, phường có từ 2 trụ sở trở lên: Hỗ trợ 800 triệu đồng/xã, phường	
	đ) Đối với hợp đồng theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 10 triệu đồng/hợp đồng/năm.		
	e) Tiêu chí bổ sung	đ) Tiêu chí bổ sung	

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	e1) Hỗ trợ thêm một khoản kinh phí để chi các nhiệm vụ đặc thù, các chế độ quy định theo phân cấp (Bao gồm kinh phí hỗ trợ công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; kinh phí theo Quyết định số 72-QĐ/TU ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên; kinh phí hỗ trợ hoạt động Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; kinh phí hỗ trợ hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã): - Phường Phan Đình Phùng: 1.500 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 1.400 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 1.300 triệu đồng/năm. - Các xã, phường còn lại: 1.200 triệu đồng/năm	đ1) Hỗ trợ thêm một khoản kinh phí để chi các nhiệm vụ đặc thù, các chế độ quy định theo phân cấp (như kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; Trung tâm phục vụ hành chính công): - Phường Phan Đình Phùng: 1.600 triệu đồng/năm. - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 1.500 triệu đồng/năm. - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 1.400 triệu đồng/năm. - Các xã, phường còn lại: 1.300 triệu đồng/năm.	Quy định số 72-QĐ/TU ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên đã chấm dứt hiệu lực theo Quyết định số 626-QĐ/TU ngày 21/4/2026 Tăng khoảng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	e2) Định mức phân bổ kinh phí cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố: Thực hiện theo các quy định hiện hành.	đ2) Định mức phân bổ kinh phí cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố: Thực hiện theo các quy định hiện hành.	
	e3) Định mức phân bổ kinh phí chi trả thù lao hằng tháng đối với thành viên đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã: Thực hiện theo quy định hiện hành.	đ3) Định mức phân bổ kinh phí chi trả thù lao hằng tháng đối với thành viên đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã: Thực hiện theo quy định hiện hành.	
	e4) Định mức phân bổ kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh": Thực hiện theo quy định hiện hành.	đ4) Định mức phân bổ kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh": Thực hiện theo quy định hiện hành.	
	e5) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:	đ5) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:	
	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc + Phường Phan Đình Phùng: 70 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 65 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 60 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 55 triệu đồng/năm	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc + Phường Phan Đình Phùng: 75 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 70 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 65 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 60 triệu đồng/năm	Tăng khoảng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	- Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: + Phường Phan Đình Phùng: 60 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 55 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 50 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 45 triệu đồng/năm	- Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: + Phường Phan Đình Phùng: 65 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 60 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 55 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 50 triệu đồng/năm	Tăng khoảng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	- Ngoài mức khoán trên, các tổ chức chính trị - xã hội (Ban công tác Mặt trận, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) ở xóm thuộc các xã đặc biệt khó khăn và xóm đặc biệt khó khăn phân bổ mức 02 triệu đồng/chi hội/năm.	- Ngoài mức khoán trên, các tổ chức chính trị - xã hội (Ban công tác Mặt trận, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) ở xóm thuộc các xã đặc biệt khó khăn và xóm đặc biệt khó khăn phân bổ mức 02 triệu đồng/chi hội/năm.	
	e6) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã; Ban giám sát đầu tư cộng đồng:	đ6) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã; Ban giám sát đầu tư cộng đồng:	
	- Ban Thanh tra nhân dân: + Phường Phan Đình Phùng: 35 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 25 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 20 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 15 triệu đồng/năm	- Ban Thanh tra nhân dân: + Phường Phan Đình Phùng: 40 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 30 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 25 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 20 triệu đồng/năm	Tăng khoảng 20% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	- Ban giám sát đầu tư cộng đồng: + Phường Phan Đình Phùng: 70 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 50 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 40 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 30 triệu đồng/năm	- Ban giám sát đầu tư cộng đồng: + Phường Phan Đình Phùng: 75 triệu đồng/năm + Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 55 triệu đồng/năm + Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 45 triệu đồng/năm + Các xã, phường còn lại: 35 triệu đồng/năm	Tăng khoảng 20% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
Điều 4	**Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**		
Khoản 1	**Khoản 1**		Kế thừa các quy định trước đây
	1. Định mức phân bổ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp (bao gồm phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung), các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên của biên chế có mặt, biên chế chưa tuyển dụng (biên chế chưa tuyển dụng được phân bổ bằng mức lương viên chức bậc 1 của từng cấp học, cơ sở giáo dục phổ thông công lập có nhiều cấp học thì phân bổ theo định mức biên chế của từng cấp học) để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể như sau: - Mầm non; Tiểu học; Trung học cơ sở; Tiểu học và Trung học cơ sở: + Đối với các trường có dưới 30 biên chế: Cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên 80/20 + Đối với các trường có từ 30 biên chế trở lên: Cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên 81/19 - Trung học phổ thông; Trung học cơ sở và trung học phổ thông; Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập: Cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên 80/20	1. Định mức phân bổ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp (bao gồm phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung), các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên của biên chế có mặt để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên 81/19.	
Khoản 2	**Khoản 2: Nguyên tắc thực hiện**		Kế thừa các quy định trước đây

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	a) Đối với các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu cấp bù học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Đối với chi các hoạt động chung, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ nhiệm vụ thực tế năm học lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.	a) Đối với các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu cấp bù học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Đối với chi các hoạt động chung, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ nhiệm vụ thực tế năm học lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.	
	b) Đối với các trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Định mức trên là cơ sở để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách cho sự nghiệp giáo dục. Căn cứ định mức trên Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện phân bổ dự toán cho các trường trực thuộc, hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Chủ động bố trí kinh phí thực hiện các đề án, dự án đã được duyệt và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường. Đối với chi các hoạt động chung, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ các địa phương căn cứ theo nhiệm vụ thực tế năm học và khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh.	b) Đối với các trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Định mức trên là cơ sở để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách cho sự nghiệp giáo dục. Căn cứ định mức trên Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện phân bổ dự toán cho các trường trực thuộc, hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Chủ động bố trí kinh phí thực hiện các đề án, dự án đã được duyệt và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường.	
	c) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng khoán theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.	c) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) và hợp đồng khoán theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Cập nhập theo quy định của trung ương
	c1) Đảm bảo đủ tiền lương, tiền công lao động theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng định mức khoán đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên; số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục;	c1) Đảm bảo đủ tiền lương, tiền công lao động theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng định mức khoán đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên; số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ, hợp đồng hỗ trợ thuộc danh mục vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP thuộc lĩnh vực giáo dục;	
	c2) Đối với chi hoạt động thường xuyên: - Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Hỗ trợ 03 triệu đồng/ hợp đồng/năm học. - Hợp đồng khoán giảng dạy: 03 triệu đồng/10 định mức/năm học.	c2) Đối với chi hoạt động thường xuyên: - Hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ, hợp đồng hỗ trợ thuộc danh mục vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP: Hỗ trợ 3,3 triệu đồng/ hợp đồng/năm học. - Hợp đồng khoán giảng dạy: 3,3 triệu đồng/10 định mức/năm học.	Tăng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
Khoản 3	**Khoản 3. Định mức chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm**		Kế thừa các quy định trước đây
	a) Nâng lương thường xuyên;	a) Nâng lương thường xuyên;	
	b) Kinh phí mua sắm trang thiết bị của giáo viên để phục vụ dạy và học, kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm theo chế độ; lương nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ vệ sinh;	b) Kinh phí mua sắm trang thiết bị của giáo viên để phục vụ dạy và học, kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm theo chế độ; lương nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ vệ sinh;	
	c) Kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao và giáo viên quốc phòng theo quy định;	c) Kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao và giáo viên quốc phòng theo quy định;	
	d) Nguồn thu cấp bù học phí đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.	d) Nguồn thu cấp bù học phí đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.	
Khoản 4	**Khoản 4. Định mức chi hoạt động thường xuyên trên chưa bao gồm**		Kế thừa các quy định trước đây
	a) Nguồn thu học phí đối với các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;	a) Nguồn thu học phí đối với các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;	
	b) Kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh; ôn luyện, tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế, thi Olympic, các cuộc thi hoạt động khối các trường chuyên, thi tốt nghiệp THPT; thưởng danh hiệu thi đua của ngành theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; chi phí điện, nước, mua sắm, sửa chữa đồ dùng, dụng cụ phòng nội trú, nhà ăn học sinh của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.	b) Kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh; ôn luyện, tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế, thi Olympic, các cuộc thi hoạt động khối các trường chuyên, thi tốt nghiệp THPT; thưởng danh hiệu thi đua của ngành theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; chi phí điện, nước, mua sắm, sửa chữa đồ dùng, dụng cụ phòng nội trú, nhà ăn học sinh của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.	

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
Khoản 5	5. Trung tâm học tập cộng đồng: Hỗ trợ 35 triệu đồng/trung tâm/năm (Bao gồm Phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ tham gia quản lý Trung tâm học tập cộng đồng và kinh phí hoạt động thường xuyên).	5. Trung tâm học tập cộng đồng: Hỗ trợ 35 triệu đồng/trung tâm/năm (Bao gồm Phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ tham gia quản lý Trung tâm học tập cộng đồng và kinh phí hoạt động thường xuyên).	Kế thừa các quy định trước đây
Khoản 6	**Khoản 6. Định mức bổ sung**		
	a) Các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường THPT Chuyên bổ sung kinh phí đặc thù 100 triệu đồng/trường/năm;	a) Các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường THPT Chuyên bổ sung kinh phí đặc thù 110 triệu đồng/trường/năm;	Tăng khoảng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	b) Các trường có điểm trường lẻ, bổ sung kinh phí hoạt động 50 triệu đồng/ điểm trường lẻ/năm;	b) Các trường có điểm trường lẻ, bổ sung kinh phí hoạt động 55 triệu đồng/ điểm trường lẻ/năm;	Tăng khoảng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	c) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.	c) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.	Kế thừa các quy định trước đây
	d) Hỗ trợ các địa phương, đơn vị để thực hiện mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chương trình đổi mới giáo dục và các nhiệm vụ khác: Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán.	d) Hỗ trợ các địa phương, đơn vị để thực hiện mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chương trình đổi mới giáo dục và các nhiệm vụ khác: Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán.	Kế thừa các quy định trước đây
Điều 5	**Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**		Kế thừa các quy định trước đây
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định như sau:	a) Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định như sau:	
	a1) Đối với đơn vị thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề: Chi cho bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này. Định mức phân bổ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành. Định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề thực hiện theo quy định của pháp luật về giá;	a1) Đối với đơn vị thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề: Chi cho bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này. Định mức phân bổ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành. Định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề thực hiện theo quy định của pháp luật về giá;	
	a2) Đối với các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm.	a2) Đối với các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm.	
	b) Đối với các chỉ tiêu đào tạo nghề được giao hằng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Phân bổ theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành.	b) Đối với các chỉ tiêu đào tạo nghề được giao hằng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Phân bổ theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành.	
	c) Định mức trên chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp và các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước.	c) Định mức trên chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp và các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước.	
	d) Đối với số học sinh, sinh viên, học viên không thuộc chỉ tiêu được giao (ngoài kế hoạch): Thực hiện theo cơ chế cung ứng dịch vụ công, cơ sở đào tạo chủ động cân đối nguồn kinh phí từ nguồn thu đóng góp của học sinh, sinh viên, học viên theo quy định, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí.	d) Đối với số học sinh, sinh viên, học viên không thuộc chỉ tiêu được giao (ngoài kế hoạch): Thực hiện theo cơ chế cung ứng dịch vụ công, cơ sở đào tạo chủ động cân đối nguồn kinh phí từ nguồn thu đóng góp của học sinh, sinh viên, học viên theo quy định, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí.	

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	đ) Đào tạo lại (giao cho các sở, ban, ngành): Thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.	đ) Đào tạo lại (giao cho các sở, ban, ngành): Thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định như sau: Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này. Phân bổ kinh phí chi lĩnh vực đào tạo và dạy nghề tại Trung tâm chính trị: 0,2 triệu đồng/học viên/khóa học. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm nguồn thu học phí, thu sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp phát sinh tại đơn vị.	Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định như sau: Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này. Phân bổ kinh phí chi bồi dưỡng về lý luận chính trị và nghiệp vụ tại Trung tâm chính trị: 0,3 triệu đồng/học viên/khóa học. Định mức phân bổ trên chưa bao gồm nguồn thu học phí, thu sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp phát sinh tại đơn vị.	Biên tập lại cho phù hợp với chức năng của Trung tâm chính trị cấp xã quy định tại khoản 2 điều 1 Quy định số 360-QĐ/TW ngày 29/8/2025 của Ban Chấp hành Trung ương. Xem xét nghiên cứu mức hỗ trợ theo số học viên/ngày/khóa học
Điều 6	**Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế**		Kế thừa các quy định trước đây
	Kinh phí phân bổ chi thường xuyên thực hiện theo quy định hiện hành về lộ trình kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngân sách nhà nước ưu tiên đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng, cụ thể như sau:	Kinh phí phân bổ chi thường xuyên thực hiện theo quy định hiện hành về lộ trình kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngân sách nhà nước ưu tiên đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng, cụ thể như sau:	
Khoản 1	1. Hệ khám chữa bệnh Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	1. Hệ khám chữa bệnh Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	
Khoản 2	2. Đối với khu điều trị bệnh nhân phong thuộc Bệnh viện đa khoa Phú Bình: Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ. Trong trường hợp chưa xây dựng đơn giá khám chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, chi bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này. Chi cho bệnh nhân phong được áp dụng chế độ quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	2. Đối với khu điều trị bệnh nhân phong thuộc Bệnh viện đa khoa Phú Bình: Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ. Trong trường hợp chưa xây dựng đơn giá khám chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, chi bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này. Chi cho bệnh nhân phong được áp dụng chế độ quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.	
Khoản 3	3. Đối với Bệnh viện Tâm thần: Chi bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	3. Đối với Bệnh viện sức khỏe Tâm thần: Chi bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	
Khoản 4	4. Đối với lĩnh vực y tế dự phòng, dân số, an toàn thực phẩm, giám định y khoa, giám định pháp y, kiểm nghiệm, kiểm định, bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	4. Đối với lĩnh vực y tế dự phòng, dân số, an toàn thực phẩm, giám định y khoa, giám định pháp y, kiểm nghiệm, kiểm định, bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	
Khoản 5	5. Đối với phụ cấp nhân viên y tế thôn, bản thực hiện theo quy định hiện hành.	5. Đối với phụ cấp nhân viên y tế thôn, bản thực hiện theo quy định hiện hành.	
Khoản 6	6. Ưu tiên phân bổ tối thiểu 30% ngân sách y tế trong định mức phân bổ theo tiêu chí dân số của Trung ương bố trí cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng.	6. Ưu tiên phân bổ tối thiểu 30% ngân sách y tế trong định mức phân bổ theo tiêu chí dân số của Trung ương bố trí cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng.	
Khoản 7	7. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định phân cấp quản lý ngân sách.	7. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định phân cấp quản lý ngân sách.	
Khoản 8	8. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ hàng năm kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công ngành y tế thực hiện mua sắm trang thiết bị, sửa chữa trụ sở, trang thiết bị.	8. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ hàng năm kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công ngành y tế thực hiện mua sắm trang thiết bị, sửa chữa trụ sở, trang thiết bị.	
Điều 7.	**Điều 7. Định mức phân bổ chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp**		

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá. Cụ thể như sau:	Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn của Ban Chri đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, về giao nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:	
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm.	a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm.	
	b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Định mức phân bổ chi hoạt động tính theo biên chế sự nghiệp được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên). Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030; hằng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) và đảm bảo giảm bình quân 15% so với giai đoạn 2022 - 2025. Đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chi hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.	b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Định mức phân bổ chi hoạt động tính theo biên chế sự nghiệp được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên). Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030; hằng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) và đảm bảo giảm bình quân 15% so với giai đoạn 2022 - 2025. Đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chi hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.	

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	c) Đối với đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Tiếp tục giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2022 - 2025 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ như sau: - Đơn vị sự nghiệp dưới 40 biên chế: 33 triệu đồng/biên chế/năm - Đơn vị sự nghiệp từ 40 đến dưới 80: 32 triệu đồng/biên chế/năm - Đơn vị sự nghiệp từ 80 đến dưới 120: 31 triệu đồng/biên chế/năm - Đơn vị sự nghiệp từ 120 trở lên: 30 triệu đồng/biên chế/năm Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm nâng lương thường xuyên.	c) Đối với đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Tiếp tục giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2022 - 2025 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương. Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế có mặt. d) Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế được cấp có thẩm quyền giao. Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ như sau: - Đơn vị sự nghiệp dưới 40 biên chế: 36 triệu đồng/biên chế/năm - Đơn vị sự nghiệp từ 40 đến dưới 80: 35 triệu đồng/biên chế/năm - Đơn vị sự nghiệp từ 80 đến dưới 120: 34 triệu đồng/biên chế/năm - Đơn vị sự nghiệp từ 120 trở lên: 33 triệu đồng/biên chế/năm Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm nâng lương thường xuyên; nâng lương trước hạn; thăng hạng chức danh nghề nghiệp; các khoản phụ cấp tăng thêm do nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, thăng hạng chức danh nghề nghiệp.	Cập nhật mức tăng khoảng 10% so với Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
	d) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 07 triệu đồng/hợp đồng/năm.	đ) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 08 triệu đồng/hợp đồng/năm.	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.	a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.	
	b) Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này. Riêng định mức chi hoạt động thường xuyên: 30 triệu đồng/biên chế/năm.	b) Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này. Riêng định mức chi hoạt động thường xuyên: 33 triệu đồng/biên chế/năm.	Tăng 10% so với định mức quy định tại Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND
Điều 8	**Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin**		
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này.	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này.	
	b) Định mức phân bổ các hoạt động văn hóa, thông tin: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	b) Định mức phân bổ các hoạt động văn hóa, thông tin: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	a) Định mức phân bổ - Phường Phan Đình Phùng: 500 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 400 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 350 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 300 triệu đồng/năm	a) Định mức phân bổ - Phường Phan Đình Phùng: 550 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 450 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 400 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 350 triệu đồng/năm	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
	b) Tiêu chí bổ sung	b) Tiêu chí bổ sung	
	b1) Các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia: Hỗ trợ 200 triệu đồng/xã, phường/năm. Các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt: Hỗ trợ 500 triệu đồng/xã, phường/năm. Trường hợp các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt thì chỉ được hỗ trợ một mức cao hơn.	b1) Các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia: Hỗ trợ 220 triệu đồng/xã, phường/năm. Các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt: Hỗ trợ 550 triệu đồng/xã, phường/năm. Trường hợp các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt thì chỉ được hỗ trợ một mức cao hơn.	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
	b2) Các phường: Phan Đình Phùng, Vạn Xuân và Bắc Kạn: Hỗ trợ 1.000 triệu đồng/phường/năm.	b2) Các phường: Phan Đình Phùng, Vạn Xuân và Bắc Kạn: Hỗ trợ 1.500 triệu đồng/phường/năm.	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
Điều 9	**Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao**		
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	
	b) Định mức phân bổ các hoạt động thể dục thể thao: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	b) Định mức phân bổ các hoạt động thể dục thể thao: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	- Phường Phan Đình Phùng: 350 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 300 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 250 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 200 triệu đồng/năm	- Phường Phan Đình Phùng: 400 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 350 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 300 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 250 triệu đồng/năm	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
Điều 10	**Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình**		
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	b) Định mức phân bổ hoạt động phát thanh truyền hình: Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có), giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá.	b) Định mức phân bổ hoạt động phát thanh truyền hình: Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có), giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	- Phường Phan Đình Phùng: 300 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 250 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 200 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 150 triệu đồng/năm	- Phường Phan Đình Phùng: 350 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 300 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 250 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 200 triệu đồng/năm	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
Điều 11	**Điều 11. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội**		
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		
	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	
	b) Các khoản chi đặc thù	b) Các khoản chi đặc thù	
	Đảm bảo kinh phí hoạt động sự nghiệp đảm bảo xã hội của Sở Nội vụ (bảo vệ, duy trì, sửa chữa các công trình tưởng niệm, ghi công do Sở Nội vụ quản lý).	Đảm bảo kinh phí hoạt động sự nghiệp đảm bảo xã hội của Sở Nội vụ (bảo vệ, duy trì, sửa chữa các công trình tưởng niệm, ghi công do Sở Nội vụ quản lý).	
	Định mức phân bổ cho các đối tượng ở các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội tập trung: Thực hiện theo quy định hiện hành.	Định mức phân bổ cho các đối tượng ở các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội tập trung: Thực hiện theo quy định hiện hành.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	a) Chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội (bao gồm cả duy trì, sửa chữa các công trình tưởng niệm do xã quản lý) - Phường Phan Đình Phùng: 250 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 200 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 150 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 100 triệu đồng/năm	a) Chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội (bao gồm cả duy trì, sửa chữa các công trình tưởng niệm do xã quản lý) - Phường Phan Đình Phùng: 300 triệu đồng/năm. - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 250 triệu đồng/năm. - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 200 triệu đồng/năm. - Các xã, phường còn lại: 150 triệu đồng/năm.	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
	b) Phân bổ kinh phí cho cấp xã thực hiện chế độ thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ vào các ngày lễ tết gồm các đối tượng sau: Người có công đang hưởng trợ cấp hằng tháng; đại diện thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng và người thờ cúng liệt sĩ (trong trường hợp không còn thân nhân): 700.000 đồng/gia đình/năm.	b) Phân bổ kinh phí cho cấp xã thực hiện chế độ thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ vào các ngày lễ tết gồm các đối tượng sau: Người có công đang hưởng trợ cấp hằng tháng; đại diện thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng và người thờ cúng liệt sĩ (trong trường hợp không còn thân nhân): 800.000 đồng/gia đình/năm.	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
	c) Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định hiện hành.	c) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.	
Điều 12	**Điều 12. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh**		

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	Căn cứ mức phân bổ của ngân sách Trung ương cho hoạt động quốc phòng, an ninh hằng năm và khả năng ngân sách, bố trí cho quốc phòng, an ninh như sau:	Căn cứ mức phân bổ của ngân sách Trung ương cho hoạt động quốc phòng, an ninh hằng năm và khả năng ngân sách, bố trí cho quốc phòng, an ninh như sau:	
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh:** Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng an ninh hằng năm, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	**Khoản 1. Cấp tỉnh:** Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng an ninh hằng năm, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**	**Khoản 2. Cấp xã**	
	a) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh - Phường Phan Đình Phùng: 1000 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 750 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 650 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 600 triệu đồng/năm	a) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh - Phường Phan Đình Phùng: 1200 triệu đồng/năm - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 900 triệu đồng/năm - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 800 triệu đồng/năm - Các xã, phường còn lại: 750 triệu đồng/năm	Tăng định mức theo khả năng cân đối ngân sách
	b) Chi phụ cấp hằng tháng và mức trợ cấp ngày công lao động cho các chức danh làm công tác quân sự địa phương, dân quân tự vệ ở cấp xã được thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và Chính phủ.	b) Chi phụ cấp hằng tháng và mức trợ cấp ngày công lao động cho các chức danh làm công tác quân sự địa phương, dân quân tự vệ ở cấp xã được thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và Chính phủ.	
	c) Kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ, Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên đối với các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.	c) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên đối với các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.	Biên tập lại cho phù hợp.
	d) Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Thực hiện theo các quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.	d) Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Thực hiện theo các quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
	đ) Đối với các xã, phường có tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, phường tùy theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.	đ) Đối với các xã, phường có tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, phường tùy theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.	
Điều 13	**Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**		
	Căn cứ định mức Trung ương giao và nhiệm vụ khoa học, công nghệ của tỉnh hằng năm, phân bổ cụ thể như sau:	Căn cứ định mức Trung ương giao và nhiệm vụ khoa học, công nghệ của tỉnh hằng năm, phân bổ cụ thể như sau:	
Khoản 1	1. Cấp tỉnh: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	1. Cấp tỉnh: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
Khoản 2.	2. Cấp xã: Phân bổ bằng tỷ lệ 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 12 của Nghị quyết này.	2. Cấp xã: Phân bổ bằng tỷ lệ 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 12 của Nghị quyết này.	
Điều 14	**Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế**		
Khoản 1	**Khoản 1. Cấp tỉnh**		Kế thừa các quy định trước đây
	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.	
	b) Các nội dung chi khác: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	b) Các nội dung chi khác: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	
Khoản 2	**Khoản 2. Cấp xã**		
	a) Phân bổ bằng tỷ lệ 3% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 13 của Nghị quyết này (đã bao gồm kinh phí thực hiện phương án sản xuất nông nghiệp do cấp xã phê duyệt).	a) Phân bổ bằng tỷ lệ 3% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 13 của Nghị quyết này (đã bao gồm kinh phí thực hiện phương án sản xuất nông nghiệp do cấp xã phê duyệt).	
	b) Kinh phí miễn thu thủy lợi phí, hỗ trợ địa phương sản xuất lúa được phân bổ trên cơ sở mức hỗ trợ của Trung ương.	b) Kinh phí miễn thu thủy lợi phí, hỗ trợ địa phương sản xuất lúa được phân bổ trên cơ sở mức hỗ trợ của Trung ương.	
	c) Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực chi hoạt động kinh tế, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	c) Căn cứ nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, bao gồm nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng đường giao thông và các nhiệm vụ khác theo quy định, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	
Điều 15	**Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**		
Khoản 1	1. Cấp tỉnh: Đảm bảo mức chi hoạt động môi trường cấp tỉnh quản lý. Căn cứ vào các quy định của Trung ương và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	1. Cấp tỉnh: Đảm bảo mức chi hoạt động môi trường cấp tỉnh quản lý. Căn cứ vào các quy định của Trung ương và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	Kế thừa các quy định trước đây
Khoản 2	2. Cấp xã: Phân bổ theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 14 của Nghị quyết này (đã bao gồm kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra), cụ thể như sau: - Phường Phan Đình Phùng: 2% - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 1,5% - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 1% - Các xã, phường còn lại: 0,5%	2. Cấp xã: a) Phân bổ theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 14 của Nghị quyết này (đã bao gồm kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra), cụ thể như sau: - Phường Phan Đình Phùng: 2% - Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương: 1,5% - Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng: 1% - Các xã, phường còn lại: 0,5%	Kế thừa các quy định trước đây
		b) Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực chi sự nghiệp môi trường, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.	
Điều 16	**Điều 16. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp xã**		Kế thừa các quy định trước đây

Điều	Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2027 - 2030	Thuyết minh
	Phân bổ bằng tỷ lệ 2% tổng chi thường xuyên ngân sách xã đã tính được theo định mức phân bổ nêu trên từ Điều 3 đến Điều 15 của Nghị quyết này (đã bao gồm Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng).	Phân bổ bằng tỷ lệ 2% tổng chi thường xuyên ngân sách xã đã tính được theo định mức phân bổ nêu trên từ Điều 3 đến Điều 15 của Nghị quyết này (đã bao gồm Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng).	
Điều 17	**Điều 17. Định mức phân bổ đối với các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ**		Kế thừa các quy định trước đây
Khoản 1	1. Đối với các Hội được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.	1. Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế có mặt trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ như sau: Dưới 05 biên chế: 45 triệu đồng/biên chế/năm Từ 05 đến dưới 10: 40 triệu đồng/biên chế/năm Từ 10 trở lên: 36 triệu đồng/biên chế/năm Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm nâng lương thường xuyên.	
Khoản 2	2. Đối với các Hội khác đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.	2. Đối với các Hội khác đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.	
Điều 18	**Điều 18. Dự phòng ngân sách**		Kế thừa các quy định trước đây
	Dự phòng ngân sách các cấp từ 2% đến 5% tổng chi ngân sách.	Dự phòng ngân sách các cấp từ 2% đến 5% tổng chi ngân sách.	
Chương II	**Chương III. Tổ chức thực hiện**		Kế thừa các quy định trước đây
Khoản 1	1. Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.	1. Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.	
Khoản 2	2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	
Khoản 3	3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./	3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./	